

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày 04-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Siu Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Thái.
2. Bà Phan Thị Nhân.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hợi – Thư ký Toà án nhân dân thị xã A, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Ksor S P N, sinh ngày 14/5/2001 tại thị xã A, tỉnh G; Nơi cư trú: Bôn R M Đ, xã I R, thị xã A, tỉnh G. Nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Rơ Ô B và bà Ksor H'G; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 23/10/2019 đến ngày 01/11/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Bùi Thị Phụng, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1, tỉnh G. Địa chỉ: 65 T Q T, phường Đ K, thị xã A, tỉnh G. Có mặt.

- Người bị hại: Anh Nay K, sinh năm 1975; trú tại: Bôn B, xã C B, thị xã A, tỉnh G. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Ngô Thị Vân, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1, tỉnh G. Địa chỉ: 65 T Q T, phường Đ K, thị xã A, tỉnh G. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông R Ô B, sinh năm 1956.

Trú tại: Bôn R M Đ, xã I R, thị xã A, tỉnh G. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ *Người phiên dịch:* Ông Rcom Lôt, người dân tộc Jrai
Trú tại: Tổ 9, phường Đ K, thị xã A, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09h ngày 10/8/2018, Ksor S P N đi đến khu vực đập tràn thuộc thôn R M Đ, xã I R, A, G để làm rẫy thì phát hiện một xe mô tô hiệu Yamaha (Sirius) màu đỏ-đen, biển số 81U1-071.54, số khung 5C640CY908859, số máy 5C64908867 của ông Nay K đang dựng ở dưới gốc cây tại khu vực này. P N đến quan sát không thấy người trông coi, xe mô tô không khóa cổ xe thì nảy sinh ý định trộm cắp. Thực hiện ý định, P N đến khởi động xe mô tô nhưng không nổ máy được, nên đi về nhà lấy một chìa khóa rồi quay lại dùng chìa khóa tra vào ổ khóa của xe mô tô trên thì mở được khóa xe và khởi động, xe nổ máy rồi điều khiển đi về nhà bạn gái là Siu H'L V (SN: 27/7/ 2003, trú ở: Thôn S B L, xã I M, I P, G) cất giấu. Sau đó, P N đem xe mô tô nêu trên đến tiệm sửa xe (không rõ tên) ở xã I M, I P thay bình, sơn lại màu xe, thay ổ khóa xe rồi đi về nhà lấy biển số xe mô tô 81P7-2764 của gia đình mình gắn vào xe mô tô trên để sử dụng. Khoảng 10 giờ ngày 23/10/2019, khi P N đang điều khiển xe mô tô trên tại đường làng thuộc thôn R M Đ, xã I R, A thì bị ông Nay K phát hiện và nhận ra đặc điểm xe mô tô của mình bị mất, nên trình báo Cơ quan điều tra Công an thị xã A. Ksor S P N bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ chiếc xe mô tô nêu trên.

Vật chứng vụ án: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha (Sirius) màu xanh- đen, số khung 5C640CY908859, số máy 5C64908867 và 01 biển số xe mô tô 81P7-2764.

Tại bản kết định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 30/10/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã A, G kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha (Sirius) màu đỏ-đen, biển số 81U1-071.54, số khung 5C640CY908859, số máy 5C64908867 trị giá là: 7.200.000đồng.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 29/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G truy tố bị cáo Ksor S P N về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Ksor S P N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Ksor S P N về tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ Luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ksor S P N từ 06 đến 09 tháng tù.

- Ý kiến người bào chữa :

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo là phù hợp với nội dung của bản cáo trạng và phù hợp với các tài liệu, chứng

cứ có trong hồ sơ vụ án nên áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS đối với bị cáo như đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố. Về tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, người bào chữa thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ là bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS như Viện kiểm sát đề nghị. Ngoài ra bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ksor S P N 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại: Thống nhất về tội danh, điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Bị cáo, người bị hại không có ý kiến tranh luận với đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Ksor S P N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện:

Vào khoảng 09 giờ ngày 10/08/2018 tại khu vực đập tràn thuộc thôn R M Đ, xã I R, thị xã A, tỉnh G. Ksor S P N lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha (Sirius) màu đỏ-đen, biển số 81U1-071.54, số khung 5C640CY908859, số máy 5C64908867 của ông Nay K có trị giá là: 7.200.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Ksor S P N đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

Bị cáo Ksor S P N nhận thức được quyền sử hữu về tài sản của người khác luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên để có phương tiện đi lại bị cáo đã bất chấp pháp luật, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của ông Nay K để thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha (Sirius) có trị giá là: 7.200.000 đồng. Sau đó thay đổi kết cấu, màu sơn của xe để không bị phát hiện làm phương tiện đi lại.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

nên cần áp dụng điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên được áp dụng Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo là phù hợp.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nay K đã được trả lại xe và được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông Nay K xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập đến.

[4] Đối với ông R Ô B là cha của bị cáo Ksor S P N đã tự nguyện bồi thường số tiền 15.000.000 đồng cho ông Nay K. Tại phiên tòa ông R Ô B không yêu cầu bị cáo Ksor S P N phải trả lại số tiền trên nên không đề cập đến.

[5] Đối với Siu H' L V là người cho bị cáo Ksor S P N gửi xe mô tô do phạm tội mà có. Tại thời điểm xảy ra sự việc, Siu H' L V mới 15 tuổi 13 ngày, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha (Sirius) màu xanh- đen, số khung 5C640CY908859, số máy 5C64908867 và 01 biển số xe mô tô 81P7-2764. Hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả xe mô tô cho ông Nay K là chủ sở hữu và trả 01 biển số xe mô tô 81P7-2764 cho ông R Ô B là đúng quy định. Không ai có ý kiến hay khiếu nại gì nên không đề cập đến.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ksor S P N phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Ksor S P N 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 23/10/2019 đến ngày 01/11/2019. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Ksor S P N phải chịu 200.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/3/2020) bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh G để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- Công an thị xã A;
- VKSND thị xã A;
- Bị cáo; bị hại; người tham gia tố tụng khác;
- Chi cục THADS thị xã A;
- THA hình sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Siu Lanh